

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động”
của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 270/2006/QĐ-TTg ngày 27/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Thành lập Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng”;

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng trường-Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng số 09/2019/NQ.HĐT-ĐHKTDN ngày 12/10/2019;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức-Nhân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động” của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

Điều 2. Quy chế này thay thế cho “Quy chế tổ chức và hoạt động” được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-ĐHKTDN ngày 17/4/2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các Khoa, phòng, các đơn vị liên quan và sinh viên của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội nghị Nhà đầu tư (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, HĐT, TCNS.

CHỦ TỊCH HĐT

Phạm Sỹ Chức

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 664/2019/QĐ-ĐHKTĐN
ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng trường –
Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng)*

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Địa vị pháp lý	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt	1
Điều 4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể.....	2
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường	2
Điều 6. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của Trường.....	3
1. Quyền tự chủ của Trường:.....	3
2. Trách nhiệm xã hội của Trường:	4
Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.....	4
Điều 8. Nhà đầu tư	4
1. Nhà đầu tư của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.	4
2. Trách nhiệm và quyền hạn của Nhà đầu tư.....	4
3. Nghĩa vụ của Nhà đầu tư	5
Điều 9 . Chấm dứt tư cách của nhà đầu tư	5
Điều 10. Hội nghị nhà đầu tư Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	5
1. Hội nghị nhà đầu tư (HNNĐT) Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	5
2. Trách nhiệm và quyền hạn của HNNĐT	5
3. Thời gian tổ chức HNNĐT	6
4. Điều kiện tiến hành HNNĐT	6
Điều 12. Hội đồng trường	7
1. Hội đồng trường (HĐT).....	7
2. Thành viên HĐT	7
3. Thủ tục bầu và công nhận HĐT nhiệm kỳ kế tiếp.....	7
4. Thời gian tổ chức họp HĐT.....	7
5. Điều kiện tiến hành họp HĐT	8
6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐT	8
Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của HĐT.....	8
Điều 14. Ban Kiểm soát	9
Điều 15 . Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Kiểm soát	9
Điều 16. Chủ tịch Hội đồng trường.....	10
Điều 17. Hiệu trưởng.....	11
Điều 18. Phó Hiệu trưởng	12
Điều 19. Hội đồng Khoa học và Đào tạo	13
Điều 20. Các phòng chức năng, trung tâm.....	14
Điều 21. Các khoa trực thuộc Trường.....	14

Điều 22. Các bộ môn.....	16
Điều 23. Mối quan hệ giữa Chủ tịch HĐT và Hiệu trưởng.....	16
Điều 24. Giảng viên.....	17
Điều 25. Nhiệm vụ của giảng viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.....	18
Điều 26. Quyền hạn của giảng viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng:	18
Điều 27. Chính sách đối với giảng viên	19
Điều 28. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên	19
Điều 29. Cán bộ, nhân viên	19
Điều 30. Người học	20
Điều 31. Hoạt động đào tạo.....	21
Điều 32. Hoạt động khoa học và công nghệ.....	21
Điều 33. Hoạt động hợp tác quốc tế.....	22
Điều 34. Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục	22
Điều 35. Tài sản.....	22
Điều 36. Chế độ tài chính.....	23
Điều 37. Nguồn tài chính	23
Điều 38. Nội dung chi	23
Điều 39. Quản lý tài chính và tài sản	24
Điều 40. Thu nhập và sử dụng thu nhập.....	25
Điều 41. Chuyển nhượng quyền sở hữu.....	25
Điều 42. Thanh tra, kiểm tra.....	25
Điều 43. Khen thưởng	25
Điều 44. Xử lý vi phạm	26
Điều 45. Điều khoản thi hành	26

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng gồm: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, các đơn vị thuộc Trường; Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học; Quan hệ xã hội; Tài sản và tài chính; Công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng.

2. Quy chế này áp dụng đối với Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, các Khoa, phòng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học của Trường và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Địa vị pháp lý

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Trường) được thành lập theo quyết định số 270/2006/QĐ - TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở giáo dục do một tập thể các nhà giáo, nhà khoa học, nhà đầu tư cùng đóng góp công sức, kinh phí và cơ sở vật chất ban đầu xin thành lập.

Tên gọi chính thức: **Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.**

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **Danang Architecture University.**

Tên viết tắt: **DAU**

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và nghĩa vụ như các trường đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trường hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành, được tự chủ trong khuôn khổ pháp luật về tổ chức bộ máy, tuyển dụng lao động và tài chính.

3. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng.

4. Tài sản của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của tập thể các nhà đầu tư xây dựng trường và theo quy định hiện hành.

5. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản riêng (tiền đồng và ngoại tệ) ở Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước để giao dịch.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. “Góp vốn” là việc đưa tài sản vào trường để tạo thành vốn điều lệ của trường. Tài sản góp vốn có thể bằng đồng Việt Nam (VNĐ), vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất (đất), giá trị quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác được ghi trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Tổng giá trị các tài sản do các cá

nhân đóng góp được quy đổi thành VNĐ theo tỷ giá quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm góp vốn.

2. “Sở hữu chung hợp nhất” là sở hữu số tài sản hợp nhất của các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn thành lập trường và số tài sản tăng thêm trong quá trình hoạt động của trường. Tài sản chung hợp nhất của trường bao gồm tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia và tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia.

3. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị số vốn góp bằng đồng Việt Nam của tất cả các nhà đầu tư, được ghi vào Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ có thể được gia tăng theo nhu cầu xây dựng và phát triển nhà trường.

4. “Phần vốn góp” là tỷ lệ tính bằng % (phần trăm) của phần vốn mà từng chủ sở hữu đóng góp so với vốn điều lệ.

5. “Thành viên sáng lập” là người tham gia trực tiếp đề xuất, chuẩn bị thành lập trường, có tên trong danh sách thành viên sáng lập tại hồ sơ đề nghị thành lập trường; tham gia xây dựng và thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động đầu tiên của nhà trường và có số vốn góp đáp ứng quy định của trường.

6. “Cổ phần” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần gọi là “cổ phần”.

7. “Giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý cơ hữu”: là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do nhà trường trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành

Điều 4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

1. Đảng bộ Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Trường bao gồm: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, ... được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của mỗi tổ chức; chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng ủy Trường, Ban Giám hiệu và tổ chức cấp trên của tổ chức đó.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường.

2. Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

3. Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

4. Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

5. Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

6. Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

7. Được chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tài chính, hợp tác quốc tế, tổ chức bộ máy;

8. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

9. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

10. Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng.

12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của Trường.

1. Quyền tự chủ của Trường:

a) Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường;

b) Quyết định thành lập bộ máy tổ chức, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển của Trường;

c) Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; quyết định mức thu học phí tương ứng với điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đối với chương trình đào tạo chất lượng cao và các quy định về tự chủ tài chính đối với trường đại học;

d) Tuyển sinh và phát triển chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng chương trình đào tạo; in phiêu văn bằng, quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức triển khai các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường; đảm bảo chất

lượng đào tạo của Trường; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định.

2. Trách nhiệm xã hội của Trường:

a) Báo cáo, công khai và giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan về các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật;

b) Có trách nhiệm thực hiện các cam kết với cơ quan quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động để đạt được các cam kết ấy;

c) Không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của nhà trường để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của pháp luật và của Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

1. Nhà đầu tư
2. Hội đồng trường
3. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.
4. Ban Kiểm soát
5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo
6. Các phòng, ban chức năng
7. Khoa và các bộ môn trực thuộc trường
8. Các bộ môn trực thuộc khoa
9. Các tổ chức đào tạo khác: Trung tâm đào tạo; Các phân hiệu và cơ sở đào tạo.
10. Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở phục vụ đào tạo, dịch vụ, chuyển giao công nghệ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc trường.
11. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các đoàn thể (Công đoàn; Đoàn TNCSHCM; Hội thanh niên sinh viên và các tổ chức Hội khác).

Điều 8. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng: là các cá nhân trong nước đầu tư thành lập và xây dựng trường bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Nhà đầu tư:

a) Được tham dự và phát biểu tại Hội nghị nhà đầu tư, thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền;

b) Được chia lợi nhuận hàng năm tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của trường theo mức quy định trong báo cáo tài chính hàng năm của trường;

c) Được ưu tiên góp thêm vốn khi nhà trường tăng vốn điều lệ; được ưu tiên mua lại phần vốn chuyển nhượng tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mình;

d) Được ưu tiên việc làm, công việc quản lý phù hợp với năng lực cá nhân theo quy định của pháp luật và quy định của Trường;

e) Được định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, thừa kế, hiến tặng theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; trường hợp chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành nhà đầu tư của trường;

f) Được cung cấp báo cáo tài chính hàng năm của trường;

g) Yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết về quản lý điều hành;

h) Được chia một phần giá trị tài sản còn lại của trường trong số tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của trường khi trường bị giải thể;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

3. Nghĩa vụ của Nhà đầu tư:

a) Đóng góp công sức và góp đủ số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Trường.

b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Trường dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Trường hoặc các nhà đầu tư khác trong Đại hội đồng cổ đông Trường mua lại cổ phần;

c) Tuân thủ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng;

d) Chấp hành quyết định của Hội nghị Nhà đầu tư, Hội đồng trường;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của nhà nước và Quy chế này.

Điều 9 . Chấm dứt tư cách của nhà đầu tư

Tư cách của nhà đầu tư sẽ chấm dứt khi:

1. Nhà đầu tư chết hay bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Trong trường hợp này chỉ một người thừa kế đại diện trở thành thành viên góp vốn.

2. Nhà đầu tư có hành vi vi phạm lợi ích của Trường bị pháp luật xử lý thì đồng thời được giải quyết theo Điều 10.3 của Quy chế này.

3. Rút vốn hoặc chuyển nhượng hết vốn cho người khác.

Điều 10. Hội nghị nhà đầu tư Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng:

1. Hội nghị nhà đầu tư (HNNĐT) Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng: bao gồm tất cả các nhà đầu tư của trường.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của HNNĐT

a) Bầu đại diện nhà đầu tư tham gia vào Hội đồng trường; bầu, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát của trường; giải quyết các yêu cầu bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng trường là đại diện nhà đầu tư; đề xuất với Hội đồng trường về việc không công nhận đại diện nhà đầu tư trong Hội đồng trường;

b) Thông qua chiến lược đầu tư và kế hoạch phát triển cơ sở vật chất của nhà trường do Hội đồng trường đề xuất;

c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của trường, những quy định có liên quan đến tài chính trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

d) Thông qua quy chế tài chính nội bộ của trường;

e) Thông qua nghị quyết về tăng, giảm vốn điều lệ, kế hoạch huy động vốn dưới mọi hình thức;

f) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Thời gian tổ chức HNNĐT:

a) HNNĐT được tổ chức bắt buộc mỗi năm một lần do Hội đồng trường (đại diện là Chủ tịch Hội đồng trường) triệu tập trong thời gian 4 tháng đầu năm của năm tài chính.

b) Hội đồng trường triệu tập cuộc họp bất thường các nhà đầu tư trong những trường hợp sau:

(1) Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng trường hoặc có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng trường đề xuất tổ chức cuộc họp vì lợi ích của nhà trường;

(2) Cần bổ sung hoặc thay thế nhà đầu tư;

(3) Cá nhân hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 30% số cổ phần kiến nghị họp bằng văn bản;

(4) Nhiệm kỳ của Hội đồng trường kéo dài quá 6 tháng so với thời điểm kết thúc nhưng chưa tổ chức cuộc họp để bầu Hội đồng trường mới thay thế;

(5) Các trường hợp khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

c) Mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức Hội nghị nhà đầu tư được tính trong kinh phí hoạt động của nhà trường.

4. Điều kiện tiến hành HNNĐT:

a) HNNĐT được coi là tiến hành hợp lệ khi có số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp tham dự cuộc họp.

b) Việc triệu tập nhà đầu tư dự Hội nghị (thường niên hoặc bất thường) phải được thực hiện theo hình thức văn bản thông báo mời họp. Thông báo mời họp có kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu liên quan phải được gửi cho tất cả các nhà đầu tư ít nhất 7 ngày trước ngày họp.

c) Nội dung họp tại HNNĐT phải được ghi trong biên bản và được thông qua trước khi bế mạc hội nghị, có chữ ký của người chủ trì và thư ký hội nghị.

d) Nghị quyết của HNNĐT có hiệu lực khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự hội nghị thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín.

Điều 12. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường (HĐT): là tổ chức đại diện duy nhất cho chủ sở hữu của nhà trường. HĐT là cơ quan quản lý có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của trường không thuộc thẩm quyền của HNNĐT.

2. Thành viên HĐT

a) Đại diện Nhà đầu tư;

b) Thành viên trong trường:

(1) Thành viên đương nhiên: (i) Bí thư cấp ủy; (ii) Hiệu trưởng; (iii) Chủ tịch Công đoàn; (iv) Đại diện Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là người học của trường.

(2) Thành viên bầu: Đại diện giảng viên và người lao động của trường.

c) Đại diện thành viên ngoài trường

3. Thủ tục bầu và công nhận HĐT nhiệm kỳ kế tiếp:

a) Số lượng thành viên HĐT phải là số lẻ và có thể thay đổi.

b) Nhiệm kỳ của HĐT là 05 (năm) năm.

c) Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho HĐT đương nhiệm tổ chức thực hiện quy trình bầu HĐT, đề nghị HNNĐT công nhận HĐT cho nhiệm kỳ kế tiếp.

d) Chủ tịch HĐT đương nhiệm chủ trì cuộc họp HĐT hoặc Hội nghị nhà đầu tư để xác định tổng số thành viên HĐT, số lượng thành viên của từng thành phần của HĐT và tổ chức bầu HĐT.

e) Trường hợp bổ sung, thay đổi thành viên HĐT hoặc có thành viên HĐT bị khuyết thì Chủ tịch HĐT căn cứ vào thành phần của các thành viên đó để thực hiện quy trình lựa chọn thành viên thay thế và đề nghị Hội nghị nhà đầu tư công nhận theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Quy chế này.

f) Hồ sơ đề nghị công nhận HĐT :

(1) Tờ trình đề nghị công nhận, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên HĐT.

(2) Danh sách, sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý tham gia của các thành viên HĐT.

(3) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu bầu các thành viên HĐT.

4. Thời gian tổ chức họp HĐT

a) HĐT họp thường kỳ ba tháng một lần.

b) Việc tổ chức họp HĐT bất thường do Chủ tịch HĐT quyết định, nhưng phải được ít nhất 1/3 số thành viên HĐT đồng ý.

5. Điều kiện tiến hành họp HĐT

a) Các cuộc họp của HĐT được coi là họp lệ khi có ít nhất 75% số thành viên tham dự.

b) Việc triệu tập họp HĐT (thường kỳ hoặc bất thường) phải được thực hiện theo hình thức văn bản thông báo mời họp. Thông báo mời họp có kèm theo chương trình, nội dung, các tài liệu liên quan phục vụ cho cuộc họp và phải được gửi cho các thành viên HĐT ít nhất 7 ngày trước ngày họp

c) Nghị quyết của HĐT được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, theo nguyên tắc: Mỗi thành viên HĐT có một phiếu biểu quyết; quyết nghị có hiệu lực khi có hơn 50% tổng số thành viên HĐT đồng ý. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐT.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐT

a) Miễn nhiệm thành viên HĐT được thực hiện trong các trường hợp sau:

(1) Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là trong công tác tuyển sinh, đào tạo và quản lý, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

(2) Bè phái gây mất đoàn kết trong HNNĐT và HĐT;

(3) Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự;

(4) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi không tham gia HĐT;

(5) Không đủ sức khoẻ để thực hiện các công việc đang đảm nhiệm.

b) Bãi nhiệm thành viên HĐT được thực hiện trong các trường hợp sau:

(1) Cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

(2) Có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

(3) Vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động của trường một cách nghiêm trọng bị HNNĐT đề nghị bãi nhiệm.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của HĐT

1. Dự kiến chương trình, chuẩn bị tài liệu phục vụ HNNĐT; triệu tập HNNĐT họp thường niên hoặc bất thường theo quy định.

2. Quyết định về: (1) Số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm; (2) Tuyển dụng, quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động của trường.

3. Xây dựng và trình HNNĐT thông qua chiến lược đầu tư, kế hoạch phát triển cơ sở vật chất và quy chế tài chính nội bộ của trường.

4. Thông qua chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học do Hiệu trưởng đề xuất.

5. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động sau khi đã được HNNĐT thông qua những quy định liên quan đến tài chính, Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua những quy định liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

6. Trình HNNĐT bầu và ra quyết định: (1) Công nhận HĐT nhiệm kỳ kế tiếp; (2) Công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐT; (3) Bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc bổ sung thay thế các thành viên HĐT.

7. Công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng; Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các Phó Hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng.

8. Xây dựng báo cáo hoạt động; thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của trường và trình HNNĐT.

9. Giám sát công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và Ban Giám hiệu nhằm đảm bảo cho mọi hoạt động của trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; giám sát việc thực hiện các quyết nghị của HNNĐT và HĐT.

10. Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, giải trình về các hoạt động, việc thực hiện các cam kết của nhà trường với các bên liên quan.

11. Thành viên HĐT được trả phụ cấp theo khả năng tài chính của trường và được HNNĐT nhất trí thông qua.

Điều 14. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát (BKS) của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng gồm những người đại diện cho các Nhà đầu tư của trường, do HNNĐT của trường bầu. BKS có số lượng 03 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban Kiểm soát do HNNĐT bầu trực tiếp.

2. Thành viên BKS: (1) là người có quốc tịch Việt Nam; (2) không là thành viên HĐT, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng Tài chính - Kế toán); (3) không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, anh chị em ruột của thành viên HĐT, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng Tài chính - Kế toán) của trường.

3. BKS chịu trách nhiệm trước HNNĐT về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, chịu trách nhiệm về báo cáo và các hoạt động của mình.

4. Nhiệm kỳ của BKS theo nhiệm kỳ của HĐT.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Kiểm soát

1. Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các hoạt động quản lý, điều hành của HĐT, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các đơn vị trong trường.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán.
3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của trường.
4. Hàng năm hoặc theo yêu cầu phải thông báo với HĐT về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của BKS trước khi chính thức thông qua HNNĐT.
5. Báo cáo kết quả giám sát các hoạt động của trường tại các kỳ họp của HNNĐT; kiến nghị HĐT hoặc HNNĐT các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của trường
6. Được yêu cầu HĐT, thành viên của HĐT, Hiệu trưởng, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết liên quan trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao.
7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mọi hoạt động của BKS không gây sự cản trở, làm gián đoạn đến các hoạt động của HĐT và nhà trường.
8. Trường BKS được mời tham dự các cuộc họp HĐT và công việc có liên quan.
9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 16. Chủ tịch Hội đồng trường

1. Chủ tịch HĐT - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là người đứng đầu HĐT; có lý lịch rõ ràng, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có bằng đại học trở lên; do HĐT bầu trong số thành viên HĐT theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% thành viên HĐT đồng ý.
2. Chủ tịch HĐT được HNNĐT trường ra quyết định công nhận.
3. Chủ tịch HĐT có thể được kiêm nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng, nhưng phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định đối với nhà giáo và Hiệu trưởng trường đại học tại khoản 2, Điều 17 của Quy chế này.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐT:
 - a) Là chủ tài khoản của Trường.
 - b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐT; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp của HĐT; triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐT; tổ chức việc thông qua và là người chịu trách nhiệm chính về các quyết nghị của HĐT; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của HĐT; chủ trì các cuộc họp của HNNĐT.
 - c) Điều hành HĐT thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 13 của Quy chế này.
 - d) Ký trình HNNĐT bầu và quyết định công nhận HĐT, Chủ tịch HĐT; Ký quyết định công nhận Hiệu trưởng; Ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Hiệu trưởng.

e) Được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của HĐT và ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐT.

f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

5. Chủ tịch HĐT có thể kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo khác của trường khi hội đủ các quy định về các chức danh đó.

6. Trường hợp Chủ tịch HĐT vắng mặt thì phải ủy quyền cho một trong số các thành viên còn lại của HĐT đảm nhận trách nhiệm của Chủ tịch HĐT trong thời gian đi vắng. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, thông báo công khai và phải được gửi đến cơ quan quản lý có thẩm quyền. Thời gian ủy quyền không quá 6 tháng.

7. Trường được áp dụng chế độ cử quyền Chủ tịch HĐT. Việc bầu và công nhận quyền Chủ tịch HĐT được thực hiện theo nguyên tắc như bầu Chủ tịch HĐT. Thời gian công nhận quyền Chủ tịch HĐT là không quá 6 tháng kể từ ngày ban hành quyết định công nhận và không được áp dụng thực hiện hai lần công nhận liên tiếp đối với một cá nhân.

Điều 17. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là người đại diện cho trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của trường.

2. Tiêu chuẩn Hiệu trưởng:

a) Hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của trường;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín về khoa học và giáo dục, có năng lực quản lý và đã tham gia quản lý cấp khoa, phòng của cơ sở giáo dục đại học ít nhất 05 năm;

c) Có trình độ tiến sĩ;

d) Có sức khỏe tốt;

3. Hiệu trưởng do HĐT bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên của HĐT đồng ý; được Chủ tịch HĐT ký quyết định công nhận.

4. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 05 năm, theo nhiệm kỳ của HĐT và có thể được bầu, công nhận lại theo quy định của Quy chế tổ chức hoạt động Trường.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng:

a) Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường trình HĐT thông qua;

b) Xây dựng quy định về: Số lượng, cơ cấu lao động, vị trí việc làm, tuyển dụng, quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý, người lao động trong trường trình HĐT thông qua;

c) Ban hành các nội quy, quy định nội bộ nhằm thực hiện việc điều hành các hoạt động của trường;

d) Tổ chức tuyển dụng giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động khác; quyết định việc tiếp nhận người lao động theo quy định; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý thuộc cấp khoa, phòng, trung tâm và các chức danh quản lý khác của trường thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng; quyết định tuyển dụng, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chuyển công tác, ký hợp đồng lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường;

e) Hàng năm, tổ chức đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động khác trong nhà trường;

f) Xem xét các ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo trước khi quyết định các vấn đề đã giao cho Hội đồng khoa học và đào tạo tư vấn. Trường hợp không đồng ý với nội dung tư vấn, Hiệu trưởng được quyết định, chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định và báo cáo HĐT trong kỳ họp hội đồng gần nhất;

g) Tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐT; trao đổi với chủ tịch HĐT và thống nhất cách giải quyết theo quy định của pháp luật nếu phát hiện nghị quyết vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hoạt động chung của nhà trường.

h) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

i) Thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển sinh, tổ chức quản lý đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng chứng chỉ;

j) Tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính và tài sản của trường theo các quy định của pháp luật;

k) Lập dự toán và quyết toán tài chính hàng năm, trình HĐT phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo quy định của trường; định kỳ báo cáo HĐT và các cấp quản lý liên quan về công tác tài chính và hoạt động của nhà trường;

l) Tổ chức thực hiện việc bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn trong nhà trường.

m) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Phó Hiệu trưởng

1. Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là người giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường.

2. Tiêu chuẩn Phó hiệu trưởng:

a) Phó Hiệu trưởng phải là giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý cơ hữu của trường;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có uy tín và năng lực quản lý, đã tham gia quản lý cấp bộ môn hoặc tương đương trở lên ở trường đại học ít nhất 5 năm;

c) Có trình độ tiến sĩ. Trường hợp trường không có đủ người có trình độ tiến sĩ thì có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ, nhưng không giao phụ trách hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học phải có tiêu chuẩn như đối với Hiệu trưởng.

3. Phó Hiệu trưởng có những quyền và trách nhiệm sau:

a) Giúp Hiệu trưởng quản lý điều hành các hoạt động của trường, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;

b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hiệu trưởng về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng cùng với nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Điều 19. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở quyết nghị của HĐT. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học và đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo gồm: Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học; trưởng các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học; các nhà khoa học có uy tín đại diện cho các lĩnh vực, ngành chuyên môn.

3. Hội đồng khoa học và đào tạo bầu Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và chiếm đa số phiếu.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về:

a) Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo; đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; thẩm định chương trình đào tạo; xem xét công nhận chuyển đổi tín chỉ; định hướng phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; kế hoạch hợp tác với cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức và cá nhân ở trong nước, nước ngoài để triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, khoa học và công nghệ;

b) Đề xuất danh sách thành viên hội đồng chức danh giáo sư cơ sở; bổ nhiệm các chức danh giáo sư, phó giáo sư trong trường; trao tặng danh hiệu giáo sư danh dự, tiến sĩ danh dự của trường cho các cá nhân;

c) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của trường;

d) Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng nhà trường; các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên; các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá giảng viên, đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san khoa học công nghệ (nếu có); đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong trường.

5. Các thành viên Hội đồng khoa học và đào tạo của trường được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung hoạt động của Hội đồng.

6. Kết luận của các phiên họp của Hội đồng khoa học và đào tạo trường phải được thông báo công khai đến các khoa và bộ môn trong trường.

7. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất 6 tháng một lần và các cuộc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Điều 20. Các phòng chức năng, trung tâm

1. Các phòng chức năng của trường gồm: (1) Phòng Đào tạo; (2) Phòng Công tác sinh viên; (3) Phòng Tổ chức - Nhân sự; (4) Phòng Hành chính - Tổng hợp; (5) Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế; (6) Phòng Tài chính - Kế toán; (7) Phòng Đảm bảo chất lượng; (8) Phòng Thanh tra - Pháp chế; (9) Phòng Quản lý dự án và Quản trị thiết bị.

2. Các trung tâm của trường gồm: (1) Trung tâm học tập và gắn kết cộng đồng; (2) Trung tâm hướng nghiệp và truyền thông.

3. Tùy tình hình và yêu cầu thực tế, Ban giám hiệu có thể chia tách hoặc hợp nhất các phòng để phù hợp với công tác quản lý.

4. Các phòng, trung tâm có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu của trường: công tác đào tạo; công tác quản lý sinh viên; công tác tuyển sinh; tổ chức - nhân sự; khoa học và công nghệ; tài chính; hành chính - tổng hợp; hợp tác quốc tế; khảo thí và đảm bảo chất lượng; thanh tra và pháp chế; công tác xây dựng cơ bản và quản trị thiết bị; hoạt động học tập gắn kết cộng đồng; hoạt động hướng nghiệp và truyền thông.

5. Trưởng các phòng, trung tâm do Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

6. Giúp việc cho Trưởng phòng có các Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng.

7. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khoa học công nghệ phải có trình độ tiến sĩ; Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất là 5 năm.

Điều 21. Các khoa trực thuộc Trường.

1. Khoa là đơn vị quản lý công tác đào tạo của trường, có các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường;

b) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

c) Quản lý nội dung, phương pháp, chất lượng đào tạo, quản lý chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ;

d) Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

e) Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy - học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học;

f) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa;

g) Đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong khoa; đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo các trình độ, mở ngành, chuyên ngành đào tạo;

h) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, phát triển chương trình đào tạo và cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế;

i) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên trong khoa; tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cán bộ quản lý ngang cấp theo quy định của trường.

2. Trên cơ sở quyết nghị của HĐT về kế hoạch phát triển trường, Chủ tịch HĐT quyết định thành lập hoặc giải thể các khoa.

3. Trường các khoa do Hiệu trưởng đề nghị và Chủ tịch HĐT quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Giúp việc cho Trường khoa có Phó trưởng khoa do Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của Trường khoa.

4. Trường khoa phải có trình độ tiến sĩ, là giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý.

5. Phó trưởng khoa phải có bằng thạc sĩ trở lên, là giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý. Riêng Phó trưởng khoa phụ trách đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ.

6. Trong các khoa có Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa do Hiệu trưởng quy định.

Điều 22. Các bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn về đào tạo, khoa học và công nghệ của một hoặc một số ngành, chuyên ngành đào tạo trực thuộc khoa trong trường.

Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo và đề nghị của Trưởng khoa, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, giải thể và quy định nhiệm vụ cụ thể của bộ môn. Bộ môn hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng quy định.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập một số môn học trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành đào tạo và môn học được khoa và trường giao;

c) Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

d) Tiến hành nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa giao; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho trường;

e) Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc chuyên ngành;

f) Chủ trì việc đào tạo chuyên ngành cho một hoặc một số chuyên ngành; chủ trì việc đào tạo các chuyên ngành sau đại học khi trường được phép đào tạo.

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn.

3. Đứng đầu bộ môn là Tổ trưởng bộ môn. Tổ trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa sau khi tham khảo ý kiến của các giảng viên trong bộ môn. Tổ trưởng bộ môn chủ trì ngành đào tạo phải có trình độ tiến sĩ của ngành/chuyên ngành đào tạo.

Chương IV MỐI QUAN HỆ GIỮA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG VÀ HIỆU TRƯỞNG

Điều 23. Mối quan hệ giữa Chủ tịch HĐT và Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu xây dựng đề án công tác của trường để trình HĐT và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐT. Trường hợp khi thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐT, phát hiện

vấn đề mới phát sinh và khó khăn của trường thì Hiệu trưởng báo cáo với HĐT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định.

2. Sau khi HĐT thông qua các đề án của trường, Hiệu trưởng có trách nhiệm thực hiện các quyết định một số đề án theo quy định phân cấp.

3. Ngoài những công việc phải trình HĐT, Hiệu trưởng có quyền chủ động điều hành công tác của trường theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐT ban hành, quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐT và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

4. Hàng học kỳ, hàng năm Hiệu trưởng phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động của trường cho HĐT (chậm nhất là 30 ngày sau khi kết thúc học kỳ, năm học) và phương hướng thực hiện trong học kỳ và năm học tới.

5. Các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐT do Hiệu trưởng chủ trì, đều phải có chủ tịch HĐT (hoặc thành viên HĐT được phân công) tham dự để phối hợp chuẩn bị nội dung. Người đại diện HĐT có trách nhiệm đóng góp ý kiến nhưng không kết luận khi có những ý kiến khác nhau.

6. Chủ tịch HĐT hoặc thành viên được phân công tham dự các buổi họp giao ban của trường

7. Các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, đàm phán, ký kết hợp đồng có ý nghĩa lớn, Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo chủ tịch HĐT để dự hoặc cử thành viên tham dự, những vấn đề quan trọng phải thông qua HĐT trước khi ký kết.

8. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan mời (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể:

a) Những cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, định hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc của trường thì Chủ tịch HĐT và Hiệu trưởng cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

b) Hai tuần một lần phải có họp giao ban của lãnh đạo trường do Hiệu trưởng chủ trì và có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT để kiểm điểm và triển khai các hoạt động của trường.

Chương V

GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 24. Giảng viên

1. Giảng viên của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Lý lịch bản thân rõ ràng; phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;

b) Tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;

c) Có trình độ thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của chương trình đào tạo đại học; có trình độ tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ;

d) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của trường;

e) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

2. Giảng viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng phải nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các quy chế của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Nhiệm vụ của giảng viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

1. Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện đầy đủ và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo; hoàn thành đúng hạn quy định chương trình đào tạo, giáo trình và đề cương giảng dạy.

2. Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Không ngừng học tập, bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

4. Bắt buộc đạt các chuẩn theo quy định của trường về học hàm.

5. Tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác của trường.

6. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và quy chế của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

7. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, nêu gương tốt cho người học.

8. Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

Điều 26. Quyền hạn của giảng viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng:

1. Giảng viên cơ hữu của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được tuyển dụng theo quy định của pháp luật và quy định của trường.

2. Được giảng dạy theo chuyên ngành đào tạo; thời gian giảng dạy trong tuần theo quy định của trường.

3. Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan, tổ chức khác với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng phân công (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ...); giảng viên cơ hữu không được nghỉ liên tục nhiều ngày để thỉnh giảng tại các trường khác.

4. Giảng viên có đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật được xét phong tặng các danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân, chức danh Giáo sư, Phó giáo sư và kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

5. Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự;

6. Được nghỉ hè theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật và theo quy định của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

Điều 27. Chính sách đối với giảng viên

1. Giảng viên được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạt chuẩn các yêu cầu của trường quy định.

2. Được hưởng chế độ tiền lương theo ngạch công chức và theo khả năng tài chính của trường, hệ số lương phù hợp với hệ thống thang bảng lương hành chính sự nghiệp, phụ cấp ưu đãi nhà giáo, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định; được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Những giảng viên đang trong biên chế nhà nước chuyển sang làm cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thì thời gian làm việc tại cơ quan cũ được tính cùng với thời gian làm việc tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

4. Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư công tác tại trường có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe và tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời với việc trường có nhu cầu tiếp tục ký hợp đồng với các giảng viên này.

Điều 28. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được mời giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên là các nhà khoa học, nhà giáo dục, nhà quản lý trong nước và nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu.

2. Giảng viên thỉnh giảng tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

3. Giảng viên thỉnh giảng phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định về công tác giảng dạy của trường.

4. Giảng viên thỉnh giảng được hưởng các quyền theo hợp đồng thỉnh giảng được ký giữa Hiệu trưởng và giảng viên thỉnh giảng.

Điều 29. Cán bộ, nhân viên

1. Cán bộ, nhân viên cơ hữu và hợp đồng của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp (trừ phụ cấp ưu đãi nhà giáo và các phụ cấp liên quan đến công tác giảng dạy), bảo hiểm và các chế độ khác theo như quy định tại Khoản 2, Điều 27 của Quy chế này.

2. Cán bộ, nhân viên trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng phải nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định do HĐT và Hiệu trưởng ban hành.

Điều 30. Người học

1. Nhiệm vụ của người học trong trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng:

a) Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch đào tạo của nhà trường;

b) Tôn trọng giảng viên, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện;

c) Tuân thủ pháp luật của Nhà nước, các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các nội quy của trường;

d) Tham gia lao động và hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực; tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;

e) Đóng học phí theo đúng quy định của trường về mức đóng và thời gian đóng học phí; vi phạm quy định sẽ bị xử lý theo quy chế nhà trường.

f) Giữ gìn và bảo vệ tài sản của trường; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của trường.

2. Quyền của người học trong trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng:

a) Được định hướng nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình;

b) Được học vượt lớp, học rút ngắn thời gian, học sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Được cấp văn bằng, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp bậc học, trình độ đào tạo theo quy định;

d) Được đảm bảo điều kiện học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp, hoạt động rèn luyện kỹ năng hoàn thiện bản thân; Được sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, thực hành thực tập, các phương tiện phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao của trường theo quy định của nhà trường;

e) Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân;

f) Được tham gia hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội theo quy định;

g) Trực tiếp tham gia tổ chức đoàn thể, kiến nghị với nhà trường về các giải pháp nhằm góp phần xây dựng trường, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học;

h) Được hưởng chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước;

i) Được tiếp tục học các trình độ cao hơn, tìm kiếm việc làm như người học các trường đại học công lập.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.

Điều 31. Hoạt động đào tạo

1. Ngôn ngữ chính thức giảng dạy ở trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng là tiếng Việt. Trong những chương trình hợp tác với nước ngoài, chương trình đào tạo ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài và một số ngành học khác có thể giảng dạy trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành học đã có trong danh mục đào tạo của Nhà nước; tổ chức tuyển sinh phù hợp với quy mô của nhà trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép; được đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo của giáo dục đại học chưa có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước.

3. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

5. Thường xuyên phát triển chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện để nhanh chóng tiếp thu có chọn lọc những chương trình đào tạo của các nước phát triển về khoa học công nghệ, phù hợp với yêu cầu của đất nước, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, của từng ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương nói riêng.

6. Định kỳ tổ chức đánh giá các chương trình đào tạo của trường để có những điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

7. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng thực hiện việc tuyển sinh, quản lý đào tạo, kiểm tra, thi, đánh giá kết quả dạy và học, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, chứng chỉ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 32. Hoạt động khoa học và công nghệ

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng xây dựng và thực hiện các hoạt động khoa học, các dịch vụ tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực ngành nghề đào tạo của trường theo các quy định của Luật khoa học và Công nghệ.

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển, các cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy định của luật pháp. Nhà trường tổ chức quản lý hệ thống thông tin tư liệu, phát hành tập san, tạp chí và các

ấn phẩm khoa học, giáo trình, tài liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ theo các quy định của pháp luật và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng tổ chức xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung và dài hạn về hoạt động khoa học và công nghệ của trường, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 33. Hoạt động hợp tác quốc tế

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng triển khai thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế; mời các giáo sư, các nhà khoa học, các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu thực tế cũng như yêu cầu phát triển của Nhà trường; cử cán bộ, giảng viên và người học tham quan, giảng dạy, học tập ở nước ngoài theo các quy định của Nhà nước.

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng tiến hành liên kết đào tạo từ đại học đến sau đại học theo từng hạng mục, dự án cụ thể, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép và phù hợp với pháp luật Nhà nước hiện hành.

Điều 34. Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của trường; xây dựng chính sách, kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và cơ sở dịch vụ khác.

3. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục đại học theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường và của các cơ quan quản lý theo quy định.

Chương VII TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 35. Tài sản

Tài sản của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng gồm có:

1. Tài sản do các nhà đầu tư góp vốn;
2. Tài sản tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường;
3. Tài sản do hiến, tặng, cho, tài trợ;

4. Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Chế độ tài chính

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, thống kê, nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất, cung ứng các dịch vụ thích hợp.

3. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được Nhà nước cấp kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng.

Điều 37. Nguồn tài chính

1. Vốn góp của các nhà đầu tư và nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của nhà trường

2. Các nguồn tài chính khác:

a) Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật; trường được tự chủ quyết định mức học phí.

b) Thu từ các hoạt động liên kết hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Lãi tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng;

d) Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng (bằng tiền, bằng hiện vật) của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

e) Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân.

f) Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 38. Nội dung chi

1. Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; các khoản chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường.

2. Các khoản chi cho người học, học bổng, khen thưởng.

3. Chi cho hoạt động văn hóa, thể dục thể thao.

4. Chi cho hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng công nghệ, phục vụ giảng dạy, học tập.

5. Chi quản lý hành chính.

6. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất; chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, mua sắm tài sản, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị đồ dùng dạy học.

7. Trích khấu hao tài sản cố định.
8. Chi trả vốn vay và lãi vốn vay.
9. Chi cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

10. Các khoản chi khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, phù hợp với quy định của luật pháp.

Điều 39. Quản lý tài chính và tài sản

1. Tài chính và tài sản của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng được hình thành từ các nguồn thu theo quy định của pháp luật và các quy chế có liên quan của Nhà nước. Chế độ chi tiêu tài chính và sử dụng tài sản do HĐT quy định.

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có trách nhiệm báo cáo hoạt động tài chính hàng năm cho HNNĐT của trường và cơ quan tài chính của địa phương theo đúng quy định.

3. Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán tài chính hàng năm của trường do Hiệu trưởng trình, HĐT phê chuẩn và báo cáo tại cuộc họp của HNNĐT hàng năm.

4. Định kỳ hàng năm, các tài sản của trường phải được kiểm kê, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trường được áp dụng chế độ khấu hao nhanh các tài sản cố định để thu hồi vốn nhưng không vượt quá mức trích khấu hao tối đa theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp

5. Quyền sở hữu tài sản:

a) Tài sản của trường được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư thuộc sở hữu tư nhân và tài sản tăng thêm từ kết quả hoạt động của trường thuộc sở hữu chung hợp nhất.

b) Các nhà đầu tư sở hữu cổ phần của trường tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mình.

c) Tài sản do biếu, tặng hoặc cấp phát là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia.

d) Tài sản tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường thuộc sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia.

e) Tài sản thuộc sở hữu tư nhân hoặc sở hữu chung hợp nhất được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ công khai tài chính và chấp hành công tác kiểm tra tài chính theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Ban Kiểm soát trường; nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm tra của cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật về việc sử dụng kinh phí và tình hình tăng, giảm tài sản, nguồn vốn của trường.

7. Nhà trường sẽ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở pháp lý điều hành tài chính của trường.

Điều 40. Thu nhập và sử dụng thu nhập

1. Hàng năm, sau khi đã trừ các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động nhà trường được quy định tại Điều 38 của Quy chế này, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, đóng góp các khoản thuế theo quy định hiện hành, lợi nhuận được sử dụng như sau:

a) Trích lập quỹ đầu tư phát triển trường và các quỹ khác theo quyết nghị của HĐT và HNNĐT;

b) Chia cổ tức cho các nhà đầu tư theo tỷ lệ vốn góp.

2. Hàng năm, căn cứ vào kết quả tài chính của trường, HĐT sẽ đề xuất tỷ lệ trích lập các quỹ trình HNNĐT quyết định.

3. Mức chi trả thu nhập cho người lao động và chia cổ tức cho các nhà đầu tư do HĐT quyết định trên cơ sở quyết nghị của HNNĐT và phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 41. Chuyển nhượng quyền sở hữu

1. Nhà đầu tư trường có quyền chuyển nhượng một phần hay toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo các quy định sau đây:

a) Phải chào bán phần vốn đó cho các nhà đầu tư còn lại của trường theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong trường và theo giá thỏa thuận tại thời điểm chuyển nhượng;

b) Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là nhà đầu tư của trường nếu các nhà đầu tư của trường không mua, hoặc mua không hết và phải được chấp thuận bằng nghị quyết của HĐT và HNNĐT;

c) Nhà đầu tư có quyền chuyển thừa kế theo pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp trường bị giải thể, việc xử lý về tài chính, tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

Chương VIII

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 42. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra các hoạt động của trường theo các quy định hiện hành.

2. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật pháp.

Điều 43. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân (lãnh đạo, giảng viên, cán bộ, nhân viên) của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng có thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và người học có thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng theo quyết định của HĐT và Ban Giám hiệu.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Bất kỳ tập thể, cá nhân nào của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (các nhà đầu tư, HĐT, lãnh đạo trường, giảng viên, cán bộ, nhân viên) vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động của trường hoặc có hành vi phạm pháp, bề phải gây mất đoàn kết ảnh hưởng đến hoạt động hay uy tín của trường, sẽ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức cho đến buộc thôi việc; nếu vi phạm pháp luật, trường tiến hành các thủ tục để cơ quan chức năng xử lý theo luật pháp hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Sinh viên có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy của nhà trường sẽ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi học; trường hợp vi phạm pháp luật nhà trường sẽ tiến hành các thủ tục để cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật hiện hành.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Điều khoản thi hành

Quy chế tổ chức và hoạt động này có 9 chương, 45 điều được Hội nghị Nhà đầu tư và Hội đồng trường thông qua và có hiệu lực từ ngày Chủ tịch HĐT ký quyết định ban hành.

Trong quá trình áp dụng, nếu có những vấn đề cần sửa đổi và bổ sung, cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên của trường tham mưu và đề xuất ý kiến cho Ban Giám hiệu để báo cáo HĐT xem xét sửa đổi và bổ sung. Các ý kiến đề xuất sửa đổi và bổ sung chỉ có hiệu lực sau khi được HNNĐT và HĐT nhất trí thông qua./.

CHỦ TỊCH HĐT



Phạm Sỹ Chúc